

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 05 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01- 2025

Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và ông Hoàng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 03/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1990; địa chỉ: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, Bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về tình cảm: Chị D và anh Trần Ngọc N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N ngày 22/01/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, bình thường chỉ được thời gian rất ngắn, đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và tính cách, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng

không thể cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh N nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Trần Ngọc N nhưng anh N không chấp hành nên Tòa án không thể lấy lời khai, cũng như tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh lập ngày 17/12/2024 thể hiện: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Ngọc N kết hôn trên có sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 22/01/21024. Anh N đang cư trú tại địa phương. Chị D, anh N chưa có con chung và hiện cả hai đang sống ly thân với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì.

- Về đường lối xử lý vụ án: Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Trần Ngọc N. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung. Chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, về việc: “Ly hôn” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Trần Ngọc N; Bị đơn là anh Trần Ngọc N có hộ khẩu thường trú tại: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An là đúng pháp luật.

[1.2] Đây là vụ án không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; mặt khác, bị đơn anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà cố tình vắng mặt, là phù hợp với khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn anh Trần Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị D, anh N đã sống ly thân, mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, không còn liên hệ, quan tâm hay chăm lo gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Trần Ngọc N với mong muốn hòa giải đoàn tụ cho hai vợ chồng, nhưng anh N không đến tham gia phiên họp, phiên hòa giải và không đến tham gia phiên tòa, điều đó thể hiện bị đơn không còn mong muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ.

Như vậy, chị D, anh N đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị D, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc N. Cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh N chưa có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 207; khoản 1, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

2. Về con chung: Chị D, anh N chưa có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010460 ngày 11/11/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc phát hành.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- UBND xã Nghi Thuận;
- CCTHADS huyện Nghi Lộc;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Vân